TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỘI AN** **TỈNH QUẢNG NAM** **Số: 40/2021/QĐST-HNGĐ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Hội An, ngày 02 tháng 4 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 207/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Thu H, sinh năm: 1994; địa chỉ: khối A, phường C, thành phố A, tỉnh Q.

- *Bị đơn*: Anh Trương Minh T, sinh năm 1991; địa chỉ: khối P, phường C, thành phố A, tỉnh Q.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu H với bị đơn anh Trương Minh T.

II. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Trần Thị Thu H và bị đơn anh Trương Minh T thống nhất thuận tình ly hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Hữu Tr, sinh ngày 25 tháng 12 năm 2014. Chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, anh Trương Minh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Bắt đầu cấp

dưỡng từ tháng 4/2021 đến khi cháu Tr tròn 18 tuổi, có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án *(đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án)* cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thu H tự nguyện nộp 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí Hôn nhân - Gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng án phí Dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0010245 ngày 23/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố A, tỉnh Q. Chị Trần Thị Thu H đã nộp đủ tiền án phí.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Q;
- VKSND thành phố A;
- CCTHADS thành phố A;
- UBND phường C.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ + Án văn.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Nhạn